

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Hòa và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 –An Giang: bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST-DS ngày 24/4/2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-DS ngày 24/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐ-ST ngày 10/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: bà Bùi Thị H, sinh năm 1988

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn ông T có mặt. Bị đơn bà H, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 4/8/2024 bà Bùi Thị H có qua nhà ông để hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng. Do là chỗ quen biết nên ông đã đồng ý cho vay. Bà H có làm biên nhận ký tên, ghi rõ họ tên. Đến ngày 15/8/2024 bà H cùng chồng là Nguyễn Văn C tiếp tục đến nhà ông để tiếp tục hỏi vay số tiền 60.000.000 đồng, ông đồng ý. Lần này bà H cũng tự viết biên nhận và bà H, ông C cùng ký tên và ghi rõ họ tên. Cả hai lần vay ông đều giao đủ tiền và bà H, ông C hẹn sẽ trả trong

thời hạn 02 tháng. Lãi suất bà H, ông C tự hứa sẽ trả cho ông 5%/tháng. Từ khi vay bà H có trả được cho ông 5.950.000 đồng tiền lãi của số tiền vay 30.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Văn T yêu cầu giải quyết như sau:

Yêu cầu bà Bùi Thị H trả số tiền vay 24.050.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Yêu cầu bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn C liên đới trả số tiền vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Yêu cầu tính lãi suất theo pháp luật cả hai số tiền trên kể từ ngày 01/12/2024 (âm lịch) cho đến khi xét xử.

Tại phiên tòa ông T xin rút lại phần yêu cầu tính lãi suất. Các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

- Về phía bị đơn bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Văn C: Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bà H, ông C nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bà H, ông C vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý hồ sơ Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khi tiến hành lập hồ sơ, ban hành các thông báo, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng và tổng đạt, niêm yết cho đương sự theo quy định tại. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 24.050.000 đồng. Buộc bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 60.000.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn C phải trả số tiền vay theo các biên nhận vay tiền ngày 4/8/2024 và ngày 15/8/2024; bị đơn bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Văn C có đăng ký nơi thường trú tại ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang) nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: bị đơn Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C.

[3] Về nội dung: Biên nhận vay tiền ngày 4/8/2024 và ngày 15/8/2024 được xác lập giữa ông Nguyễn Văn T với bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Văn C trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo ông T, từ khi vay tiền đến nay bà H chỉ trả được 5.950.000 đồng tiền lãi của số tiền vay 30.000.000 đồng, số tiền gốc đến nay vẫn chưa thanh toán mặc dù ông có đòi nhiều lần.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần mời bà H và ông C đến để hòa giải, đối chiếu các khoản nợ với ông T nhưng bà H, ông C vắng mặt không lý do. Như vậy phía bà H, ông C không cung cấp chứng cứ nào để phủ nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và đồng thời đến thời điểm này cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào thể hiện đã thực hiện xong số nợ trên cho ông T. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”. Như vậy việc bà H, ông C vay tiền của ông T nhưng không trả đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà H có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vốn vay là 24.050.000 đồng và buộc bà H, ông C trả cho ông T số tiền 60.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông T yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông T xin rút lại yêu cầu này. Xét thấy, việc ông T rút lại yêu cầu tính lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này.

[5] Từ những phân tích trên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang là có căn cứ.

[6] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

- Buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 24.050.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả lãi suất.

3. Về án phí:

- Bà Bùi Thị H phải chịu 1.202.500 đồng (một triệu hai trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Văn C phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm